

Số: **102** /TB-SXD-KT&VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **07** tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 02/2025

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng (VLXD);

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2409/BXD-KTXD ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Xây dựng về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Xây dựng về việc xác định, công bố giá VLXD, thiết bị công trình, chỉ số giá xây dựng; Công văn số 2396/BXD-KTXD ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác công bố giá VLXD là khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 697/UBND-ĐT ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về vướng mắc trong công tác công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố; Công văn số 1180/UBND-ĐT ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố giá VLXD, chỉ số giá xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố theo quy định của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP; Công văn số 2393/VP-ĐT ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xác định, công bố giá VLXD, thiết bị công trình, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác và Tổ giúp việc cho Tổ công tác công bố giá VLXD;

Thực hiện công tác quản lý Nhà nước về xây dựng và VLXD trên địa bàn Thành phố; Sở Xây dựng công bố giá VLXD và một số vật tư phổ biến trong công trình xây dựng để làm cơ sở tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. Nội dung công bố giá

NHÓM 1. THÉP XÂY DỰNG

1.1. Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL

Theo văn bản số 1145/TMN-KD ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam – VNSteel.

1.2. Công ty TNHH Thép Vina Kyoei

Theo Văn bản số 01.25/VKS-KKG ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Công ty TNHH Thép Vina Kyoei.

NHÓM 2. XI MĂNG

2.1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long

Theo Công văn số 81/2024/CV-CNTL-TT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.

2.2. Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long

Theo Công văn số 1753/TB-VCHL-KDĐT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long.

2.3. Chi nhánh tại TPHCM Công ty TNHH VLXD xi măng SCG Việt Nam

Theo Công văn số 08/CV/SCG ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi nhánh tại TPHCM Công ty TNHH VLXD xi măng SCG Việt Nam.

2.4. Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả

Theo Công văn số 04/CV-CNCP ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả.

2.5. Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn

Theo Công văn số 01/CV/SDC ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn.

NHÓM 3. VỮA

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 4. DÂY, CÁP ĐIỆN

4.1. Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI)

Theo Công văn số 7139/CV-K.KDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI).

4.2. Công ty Cổ phần Dây cáp điện Lucky Star

Theo Công văn số 17/24/CV-LK ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Lucky Star.

NHÓM 5. ONG CÔNG, CỌC BÊ TÔNG

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 6. VẬT LIỆU LỢP

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 7. GẠCH KHÔNG NUNG

7.1. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Lê Hùng

Theo Công văn số 03/CBG/2024 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Lê Hùng.

7.2. Công ty Cổ phần Vật liệu xanh Đại Dũng

Theo Công văn số Q4.2024-Q1.2025/CBG-SXD ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Vật liệu xanh Đại Dũng.

NHÓM 8. VẬT LIỆU ỐP LÁT

8.1. Công ty TNHH Sơn Thạch

Theo Công văn số 01/CVST ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Sơn Thạch.

8.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera

Theo Công văn số 115A/VILD-DA ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.

8.3. Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn

Theo Công văn số 01.25/DNCBG-TPHCM-TBSG ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn.

NHÓM 9. ĐÁ

9.1. Công ty Cổ phần Tân Cang

Theo Công văn số 55/08/2024-TC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tân Cang.

9.2. Đá xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của thành phố Thủ Đức và các quận – huyện

Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

NHÓM 10. CÁT

10.1. Công ty Cổ phần Tân Cang

Theo Công văn số 55/08/2024-TC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tân Cang

10.2. Cát xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của thành phố Thủ Đức và các quận – huyện

Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

NHÓM 11. COFFA

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 12. BÊ TÔNG NHỰA NÓNG**12.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn**

Theo Công văn số 24/CTGTSG ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

NHÓM 13. NHỰA ĐƯỜNG NHỮ TƯƠNG**13.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn**

Theo Công văn số 24/CTGTSG ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

13.2. Công ty TNHH MTV Nhựa đường M.T.T - Chi nhánh tỉnh Bình Dương

Theo Công văn số 2501/CVCTY ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Nhựa Đường M.T.T – Chi nhánh tỉnh Bình Dương.

NHÓM 14. BÊ TÔNG THƯỜNG PHẨM (bê tông trộn sẵn)

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 15. TRỤ ĐÈN

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 16. VẢI ĐỊA KỸ THUẬT**16.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát**

Theo Công văn số 250210-12/CV-LP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

NHÓM 17. RỌ ĐÁ**17.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát**

Theo Công văn số 250210-12/CV-LP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

NHÓM 18. SƠN, BỘT BẢ CÁC LOẠI**18.1. Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam**

Theo Công văn số SLS/163/2024 ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam.

18.2. Công ty TNHH Nikko Material

Theo Công văn số 09.2024/NIKKO ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Công ty TNHH Nikko Material.

18.3. Công ty Cổ phần Lavis Brother Coating

Theo Công văn số 196/LBC/TB-SXD-VLXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Lavis Brother Coating.

18.4. Công ty TNHH Sơn Thế Hệ Mới

Theo Công văn số 01.11/2024-TPHCM ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH Sơn Thế Hệ Mới.

18.5. Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)

Theo Công văn số 02/2024/NPV ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam).

18.6. Công ty Cổ phần Chống thấm Quốc tế CX Men

Theo Công văn số 03/TB-CXMEN ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chống thấm Quốc tế CX Men.

18.7. Công ty Cổ phần Quốc tế AIG

Theo Công văn số 04/CV-G9ECO ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Quốc tế AIG.

18.8. Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Hà Nội

Theo Công văn số 01.12/CV-2024 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Hà Nội.

18.9. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia

Theo Công văn số 25006/CV-HG ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia.

18.10. Công ty Cổ phần Sivico

Theo Công văn số 01/2025/SVC ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sivico.

NHÓM 19. TÁM THẠCH CAO

19.1. Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường

Theo Công văn số 01 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường.

NHÓM 20. ÓNG NHỰA

20.1. Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa

Theo Công văn số 03/CV/ĐH-25 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa.

20.2. Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong Phía Nam

Theo Công văn số 01/CV/TPN-25 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong Phía Nam.

20.3. Công ty Cổ phần DNP HOLDING

Theo Công văn số 01/CV-DNP ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần DNP HOLDING.

NHÓM 21. BÓNG ĐÈN VÀ PHỤ KIỆN ĐIỆN

21.1. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên

Minh

Theo Công văn số 12-2024TM/TBG ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh.

21.2. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam

Theo Công văn số 3112/CV-SLI ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam.

21.3. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn

Theo Công văn số 02-2024NN/TBG ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn.

21.4. Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại Hưng Phú Hải

Theo Công văn số 08/2024HPH/TBG ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại Hưng Phú Hải.

NHÓM 22. CỬA

22.1. Công ty Cổ phần Cơ khí Nhôm Xingfawindow – Nhà máy Nhôm Xingfa

Theo Công văn số 02/2024/XFA-CV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Nhôm Xingfawindow – Nhà máy Nhôm Xingfa.

22.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Long Vân – NTV

Theo Công văn số 03/2024/CBG ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Long Vân – NTV.

22.3. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành

Theo Công văn số 05DDT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành.

22.4. Công ty TNHH Nhôm Nam Sung

Theo Công văn số 0412-1/2024/NS-CBG ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung.

NHÓM 23. KÍNH XÂY DỰNG

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

NHÓM 24. MÀNG PHẢN QUANG

24.1. Công ty TNHH Đình Phương Nam

Theo Công văn số 05/2024/CV-ĐPN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Đình Phương Nam.

NHÓM 25. VẬT LIỆU VÀ CẤU KIỆN KHÁC

25.1. Công ty TNHH Vinkems

Theo Công văn số 03 ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Công ty TNHH Vinkems.

25.2. Công ty TNHH Sigen

Theo Công văn số 01/2025/SIGEN ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Sigen.

II. Một số nội dung cần lưu ý

1. Văn bản cung cấp thông tin giá, đính kèm bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên được công bố kèm theo Thông báo này, hiện được **đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng theo địa chỉ <https://soxaydung.hochiminhcity.gov.vn/home> (mục Thông tin chuyên ngành - Vật liệu xây dựng - Công bố giá vật liệu xây dựng)**, theo quy định tại Điều 8 Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND.

2. Giá công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp, đồng thời có tham khảo giá thị trường; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

3. Giá công bố của các loại vật liệu phổ biến nêu trên là giá dùng để tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại khoản 3 Phụ lục đính kèm Thông tư số 14/2023/TT-BXD.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án; trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2023/TT-BXD.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi lựa chọn sử dụng thông tin giá vật liệu trong Bảng công bố này, chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

- Khi các đơn vị thực hiện khảo sát, xác định giá vật liệu; đề nghị lưu ý về việc vật liệu phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quy



chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Thường xuyên rà soát, báo cáo và đề xuất Sở Xây dựng cập nhật các loại VLXD chủ yếu, thiết bị công trình phổ biến vào danh mục để xem xét công bố giá; các khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có), để được hướng dẫn, hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng tháo gỡ kịp thời, theo yêu cầu tại Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Xây dựng.

5. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng: “Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa VLXD đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực thì được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó”. Do đó, một số thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong văn bản cung cấp thông tin giá của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên vẫn còn áp dụng QCVN 16:2019/BXD do giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực.

6. Đối với các loại vật liệu chống cháy, các đơn vị cần lưu ý xem xét, đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD, sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD và các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn, theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

7. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện

- Duy trì tổ chức việc thu thập thông tin, báo cáo tình hình giá thị trường cho Sở Xây dựng đối với các loại VLXD phổ biến và chủ yếu trên địa bàn định kỳ **trước ngày 05 hàng tháng** hoặc đột xuất (khi có yêu cầu, chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố) và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin báo cáo, đề kịp thời công bố giá định kỳ hàng tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại cuộc họp với Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và điểm b khoản 1 Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Xây dựng về việc xác định, công bố giá VLXD, thiết bị công trình, chỉ số giá xây dựng: “...Đối với các loại vật liệu chủ yếu, có biến động nhiều, tổ chức xác định, **công bố giá VLXD hàng tháng**, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng, trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật”.

Hiện nay, Sở Xây dựng chưa nhận được báo cáo tình hình giá VLXD tháng 02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Quận 1, Quận 7, Quận 10, huyện Cần Giờ.

- Khảo sát, thu thập thông tin, xác định giá VLXD trên địa bàn, báo cáo tình hình giá thị trường cho Sở Xây dựng đối với các loại VLXD phổ biến và chủ yếu định kỳ hàng tháng, phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu tại thời

điểm công bố, theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2023/TT-BXD; Công văn số 2396/BXD-KTXD ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng¹.

- Thường xuyên rà soát, báo cáo và đề xuất Sở Xây dựng cập nhật các loại VLXD chủ yếu, thiết bị công trình phổ biến vào danh mục để xem xét công bố giá; các khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có), để được hướng dẫn, hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng tháo gỡ kịp thời, theo yêu cầu tại Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Xây dựng.

8. Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu được công bố giá

Chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 25 Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật khi cơ quan quản lý Nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan.


- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo, đề xuất, kiến nghị về Sở Xây dựng (Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng, số điện thoại 39.327.547 (số nội bộ 748, 749)) hoặc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND thành phố Thủ Đức và các quận – huyện;
- Quatest 3;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Tổ công tác, Tổ giúp việc;
- VPS (để đăng tải);
- Lưu: VT, KT&VLXD / 10b.

Đính kèm: Phụ lục.

NTB, NTHH. 



Trương Trung Kiên

¹ Sở Xây dựng chưa có cơ sở công bố giá đá và cát xây dựng, cát san lấp theo báo cáo tình hình giá của các Ủy ban nhân dân quận – huyện do không đầy đủ thông tin quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ (chỉ công bố giá đá xây dựng và cát xây dựng theo báo cáo của quận Phú Nhuận, quận Gò Vấp, huyện Củ Chi).



Phụ lục 1

Công bố giá đá tham khảo giá thị trường
theo báo cáo tình hình giá của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện
*(đính kèm Thông báo số **102** /TB-SXD-VLXD ngày 07 tháng 3 năm 2025*
của Sở Xây dựng)

NHÓM 9. ĐÁ XÂY DỰNG

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
1	Quận Phú Nhuận	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty CP Đầu tư XD và Vật liệu Đồng Nai			Theo Công văn số 138/TCKH ngày 04/3/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận; đá xanh, xe 3 khối, 5 khối	400.000
		Đá xây dựng	Đá 4x6	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty CP Đầu tư XD và Vật liệu Đồng Nai			Theo Công văn số 138/TCKH ngày 04/3/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận; đá xanh, xe 5 khối	370.000

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
2	Quận Gò Vấp	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006	Đá đen	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2 – Chi nhánh Xí nghiệp Đá xây dựng			Theo Công văn số 97/BC-TCKH ngày 05/02/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Gò Vấp; giá tại đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp	436.364
			Đá 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006						500.000
3	Huyện Củ Chi	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An			Theo Công văn số 41/BCPL-TCKH (không ngày) tháng 02/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi; giá tại đường Tỉnh Lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	500.000
	Huyện Củ Chi	Đá xây dựng	Đá 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An				440.000

Ghi chú:

Theo hướng dẫn tại Công văn số 2396/BXD-KTXD ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác công bố giá vật liệu xây dựng là khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: “Theo quy định của pháp luật về việc quản lý giá vật liệu xây dựng tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD thì giá vật liệu xây dựng được công bố phải phù hợp với giá thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu tại thời điểm công bố”.

Phụ lục 2

Công bố giá cát tham khảo giá thị trường
theo báo cáo tình hình giá của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện
*(đính kèm Thông báo số **102** /TB-SXD-VLXD ngày **07** tháng **3** năm 2025*
của Sở Xây dựng)

NHÓM 10. CÁT XÂY DỰNG

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
1	Quận Phú Nhuận	Cát xây dựng	Cát xây tô	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 138/TCKH ngày 04/3/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Thích Quảng Đức, Phường 5, quận Phú Nhuận	420.000
		Cát xây dựng	Cát bê tông	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 138/TCKH ngày 04/3/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận (xe 3 khối)	440.000

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
1	Quận Phú Nhuận	Cát xây dựng	Cát bê tông	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 138/TCKH ngày 04/3/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận (xe 5 khối)	420.000
2	Quận Gò Vấp	Cát xây dựng	Cát xây tô	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006	mô đun 0,7-1,4	Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 97/BC-TCKH ngày 05/02/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Gò Vấp; giá tại đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp	409.091
		Cát xây dựng	Cát bê tông	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006	mô đun 1,5-2					500.000
		Cát xây dựng	Cát san lấp	m ³							363.636

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
3	Huyện Củ Chi	Cát xây dựng	Cát xây tô	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An			Theo Công văn số 41/BCPL-TCKH (không ngày) tháng 02/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi; giá tại đường Tỉnh Lộ 7, ấp Lão Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	430.000
	Huyện Củ Chi	Cát xây dựng	Cát san lấp	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An				320.000

Ghi chú:

Theo hướng dẫn tại Công văn số 2396/BXD-KTXD ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác công bố giá vật liệu xây dựng là khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: “Theo quy định của pháp luật về việc quản lý giá vật liệu xây dựng tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD thì giá vật liệu xây dựng được công bố phải phù hợp với giá thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu tại thời điểm công bố”.



